

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**C2 HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-PT
Ngày 25/01/2018
“V/v tranh chấp chia di sản
thừa kế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC C2 HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 119/2017/QĐXX-PT ngày 08 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị C1**, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 2, thôn D, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định (có mặt).

- Bị đơn:

1. **Ông Vũ Ngọc C2** (tên gọi khác Vũ Văn C2), sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 2, thôn D, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

2. **Ông Vũ Ngọc T**, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 2, thôn D, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Bà Vũ Thị Ch**, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 18, thị trấn Đ, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. **Bà Trần Thị L** (tức Vũ Thị C2), sinh năm 1953;

3. **Chị Vũ Thị C3**, sinh năm 1980;

4. **Chị Vũ Thị H**, sinh năm 1983;

5. **Anh Vũ Ngọc S**, sinh năm 1985;

6. **Bà Vũ Thị D**, sinh năm 1963;

Bà L, chị C3, chị H, anh S và bà D có địa chỉ: Xóm 2, thôn D, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. (đều vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, chị C3, chị H, anh S và bà D là ông Vũ Ngọc C2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2016, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn là bà Vũ Thị C1 trình bày: Bố mẹ của bà là cụ Vũ Thị Nh (tức Vũ Thị S) và cụ Vũ Ngọc N có bốn người con gồm Vũ Ngọc C2, Vũ Ngọc T, Vũ Thị Ch và Vũ Thị C1. Cụ Vũ Ngọc N chết ngày 25 tháng 6 năm 2014; cụ Vũ Thị Nh chết ngày 10 tháng 02 năm 2015.

Khi còn sống hai cụ tạo lập được khối tài sản gồm 340 m² đất ở và 10 gian nhà. Năm 1990 hai cụ nhất trí chuyển cho ông C2 diện tích đất là 110 m² và cho ông T diện tích đất là 150m². Số diện tích đất còn lại là 80 m² hai cụ Nh sử dụng và năm 1995 hai cụ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất này. Năm 1999 hộ ông C2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất 110 m². Năm 2008 hộ ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất 150 m². Hai cụ Nh khi còn sống đã phá dỡ 10 gian nhà, hiện nay không còn.

Khi hai cụ chết có để lại di chúc (giấy ủy quyền) đề ngày “ 10-11-206” do chính tay cụ Nh (Vũ Văn Nh) viết. Cụ Vũ văn N và cụ Vũ Thị Nh cùng ký vào bản di chúc. Nội dung bản di chúc để lại khối tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho bà sử dụng và sở hữu là: Diện tích đất 80m², thửa số 81, tờ bản đồ số 06, xã Đồng Sơn (gọi tắt là thửa đất 80 m²), 01 nhà mái bằng phía Tây (gọi tắt là nhà phía Tây) và 01 nhà mái bằng phía Đông (gọi tắt là nhà phía Đông). Hiện nay bà đang quản lý sử dụng 01 nhà phía Tây và phần diện tích phía Bắc (gọi tắt là nửa phía Bắc) của nhà phía Đông. Ông C2 đang quản lý sử dụng phần diện tích phía Nam (gọi tắt là nửa phía Nam) của nhà phía Đông. Giữa nửa phía Bắc và nửa phía Nam của nhà phía Đông có xây tường ngăn cách. Ngoài ra trên thửa đất 80 m² có 01 chuồng bò do ông C2 xây dựng, 01 bếp và 01 bể nước do ông T xây dựng.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo di chúc (giấy ủy quyền) đối với di sản của hai cụ Nh chết để lại là thửa đất 80 m², 01 nhà phía Tây và 01 nhà phía Đông và đề nghị được sử dụng và sở hữu toàn bộ khối di sản trên theo như di chúc của hai cụ Nh để lại.

Bị đơn ông Vũ Ngọc C2 đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị L, chị Vũ Thị C3, anh Vũ Ngọc S, chị Vũ Thị H và bà Vũ Thị D trình bày, ông thống nhất với lời

khai của bà Vũ Thị C1 về quan hệ huyết thống, ngày hai cụ Nh chết. Tài sản của hai cụ Nh để lại khi chết là thửa đất 80 m², 01 nhà phía Tây, còn 01 nhà phía Đông là do ông và bà vợ Cả (đã chết) là mẹ của chị C3, anh S và chị H xây dựng vào khoảng năm 1990. Hai cụ Nh chết không để lại di chúc. Di chúc (giấy ủy quyền) do bà C1 đưa ra không phải là của hai cụ Nh, đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của hai cụ Nh theo quy định của pháp luật. Ông T cho bà C1 01 bể nước và 01 bếp xây dựng trên thửa đất 80 m² ông không có ý kiến gì.

Về chia bằng hiện vật ông đề nghị được sử dụng phần đất kéo dài theo chiều Nam Bắc trên có 01 chuồng bò do ông xây dựng và nửa phía Nam của nhà phía Đông. Ông nhất trí cho bà C1 sở hữu và sử dụng nửa phía Bắc của nhà phía Đông và diện tích đất 1,37 m² mà nhà trên xây lấn sang thửa đất của vợ chồng ông đang sử dụng, không yêu cầu bà C1 phải thanh toán cho ông trị giá tài sản này.

Bị đơn ông Vũ Ngọc T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày và đề nghị: 01 bếp, và 01 bể nước do ông xây dựng trên thửa đất 80 m², hiện nay đang do bà C1 sử dụng, ông nhất trí cho bà C1 được sở hữu và không yêu cầu bà C1 phải thanh toán giá trị cho ông. Ông từ chối không nhận phần di sản được chia thừa kế của hai cụ Nh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Ch trình bày và đề nghị: Nếu bà được chia di sản thừa kế của hai cụ Nh thì bà nhường lại cho bà C1.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của TAND huyện Nam Trực đã quyết định:

Căn cứ Điều 5; khoản 5 Điều 26; Điều 147; Điều 165; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 652, Điều 655, Điều 656, Điều 674, Điều 675, Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167 và Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chia cho bà Vũ Thị C1 được sử dụng diện tích đất 68,37 m² thuộc thửa số 81 thuộc tờ bản đồ số 06, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định (có vị trí ranh giới tiếp giáp như sau: phía Bắc giáp đất bà Thu; phía Nam giáp ngõ đi chung; phía Tây giáp đất hộ ông T; phía Đông tiếp giáp với đất gia đình ông C2 được chia và đang sử dụng tại thửa 82, tờ bản đồ số 6, xã Đồng Sơn) và sở hữu 01 nhà mái bằng phía Tây, phần diện tích phía Bắc của nhà mái bằng phía Đông, 01 chuồng bò (phía Đông Nam do ông C2 xây dựng), 01 bếp và 01 bể nước (do ông T xây dựng).

2. Chia cho ông Vũ Ngọc C2 (tên gọi khác Vũ Văn C2) được sử dụng diện tích đất 13 m² thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 06, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định và sở hữu phần diện tích phía Nam của Nhà mái bằng phía Đông.

3. Tường ngăn giữa phần diện tích phía Bắc và phần diện tích phía Nam của nhà mái bằng phía Đông thuộc sở hữu của ông Vũ Ngọc C2.

4. Bà Vũ Thị C1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ Ngọc C2 giá trị chênh lệch tài sản số tiền là 24.733.000đ (hai mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng)

5. Về tiền chi phí tố tụng: Bà Vũ Thị C1 phải thanh toán trả cho ông Vũ Ngọc C2 số tiền chi phí giám định là 810.000đ (tám trăm mười nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2017, bà Vũ Thị C1 làm đơn kháng cáo với nội dung bản án sơ thẩm chưa bảo đảm quyền lợi cho bà, bà đề nghị cấp phúc thẩm chia cho bà được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất là 80m² có số thửa 81 thuộc tờ bản đồ số 6, theo di chúc của bố mẹ để lại.

Tại phiên tòa hôm nay: bà Vũ Thị C1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, của thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Vũ Thị C1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Cụ Vũ Ngọc N và cụ Vũ Thị Nh, sinh được bốn người con gồm ông Vũ Ngọc C2, ông Vũ Ngọc T, bà Vũ Thị Ch và bà Vũ Thị C1. Cụ Vũ Ngọc N chết ngày 25 tháng 6 năm 2014; cụ Vũ Thị Nh chết ngày 10 tháng 02 năm 2015.

[2] Về khối di sản của hai cụ để lại gồm: Diện tích đất 80m², có số thửa 81, thuộc tờ bản đồ số 06, xã Đ, huyện N có trị giá là 32.000.000 đồng, nhà mái bằng 01 tầng ở phía Tây có diện tích 22,6m² trị giá là 48.141.000 đồng. Tổng trị giá khối di sản là: 80.141.000 đồng.

[3] Về di chúc: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà C1 có xuất trình cho tòa án một bản di chúc (giấy ủy quyền) được lập ngày 10/11/2006, với nội dung..... Xét tính hợp pháp của bản di chúc này cho thấy:

Thứ nhất: Trong bản di chúc trên không có Ch ký của người làm chứng, không được công chứng, chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 652, Điều 655 và Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Thứ hai: Ông C2 không thừa nhận bản di chúc này vì cho rằng bản di chúc do bà C1 giả mạo viết ra. Căn cứ Kết luận giám định số 1074/GĐKTHS ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Nam Định, cho thấy Ch viết trong bản di chúc do bà C1 viết.

Như vậy bản di chúc nói trên không tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung cũng như hình thức, không thể hiện ý chí đích thực của người để lại di sản. Vì vậy bản di chúc nêu trên không hợp pháp. Việc cấp sơ thẩm không chấp nhận bản di chúc và chia khối di sản của hai cụ Nh để lại theo quy định của pháp luật về thừa kế, cho các đồng thừa kế trong vụ án là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi cho bà C1 cũng như các đồng thừa kế khác.

[4] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà C1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận cho nên bà Vũ Thị C1 phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Căn cứ Điều 5; khoản 5 Điều 26; Điều 147; Điều 165; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 652, Điều 655, Điều 656, Điều 674, Điều 675, Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167 và Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chia cho bà Vũ Thị C1 được sử dụng diện tích đất 68,37 m² thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 06, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định (có vị trí ranh giới tiếp giáp như sau: phía Bắc giáp đất bà T; phía Nam giáp ngõ đi chung; phía Tây giáp đất hộ ông T; phía Đông tiếp giáp với đất gia đình ông C2 được chia và đang sử dụng tại thửa 82, tờ bản đồ số 6, xã Đ.) và sở hữu 01 nhà mái bằng phía Tây, phần diện tích phía Bắc của nhà mái bằng phía Đông, 01 chuồng bò (phía Đông Nam do ông C2 xây dựng), 01 bếp và 01 bể nước (do ông T xây dựng).

2. Chia cho ông Vũ Ngọc C2 (tên gọi khác Vũ Văn C2) được sử dụng diện tích đất 13 m² thuộc thửa số 81, tờ bản đồ số 06, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định và sở hữu phần diện tích phía Nam của Nhà mái bằng phía Đông.

3. Tường ngăn giữa phần diện tích phía Bắc và phần diện tích phía Nam của nhà mái bằng phía Đông thuộc sở hữu của ông Vũ Ngọc C2.

4. Bà Vũ Thị C1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ Ngọc C2 giá trị chênh lệch tài sản số tiền là 24.733.000đ (hai mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng)

5. Về tiền chi phí tố tụng: Bà Vũ Thị C1 phải thanh toán trả cho ông Vũ Ngọc C2 số tiền chi phí giám định là 810.000đ (tám trăm mười nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực thi hành, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thanh toán tiền thì còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

6. Về án phí giá ngạch tài sản: Bà Vũ Thị C1 phải nộp số tiền là 2.671.000đ (hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng). Ông Vũ Ngọc C2 (tên gọi khác Vũ Văn C2) phải nộp số tiền là 1.335.000đ (một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí bà Vũ Thị C1 đã nộp 1.000.000đ (một triệu đồng) theo Biên lai số 07086 ngày 25 tháng 7 năm 2016 được khấu trừ.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị C1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà C1 đã nộp tại Biên lai thu tiền 0001848 ngày 14/9/2017. Bà C1 đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

(Kèm theo bản án có sơ đồ ranh giới và vị trí nhà đất của bà Vũ Thị C1 và ông Vũ Ngọc C2 tại thửa 81 và thửa 82, tờ bản đồ số 6, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND huyện Nam Trực;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Hà Nam